

Bản án số: 89/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 31/5/2024  
V/v “*tranh chấp xin ly hôn, con chung*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Bà **NGUYỄN KIM NGỌC**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông **MAI HUY MÂN**

Bà **NGUYỄN THỊ LOAN**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **NGUYỄN TRẦN HỒNG NHUNG** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 77/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2024 về việc tranh chấp “xin ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Thế S**, sinh năm 1981 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang**

- *Bị đơn:* Chị **Ngô Thị Ngọc Y**, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang**.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 21/02/2024 nguyên đơn anh **Nguyễn Thế S** trình bày:* Do quen biết, anh **S** và chị **Ngô Thị Ngọc Y** tiến tới hôn nhân vào năm 2005, có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, thường xuyên cự cãi, vợ chồng đã ly thân từ năm 2008 đến nay.

- Về con chung: Anh **S**, chị **Y** có 02 con chung **Nguyễn Thanh L**, sinh năm 2004 đã trưởng thành và **Nguyễn Thị Hồng D**, sinh ngày 03/10/2006 hiện các con chung đang sống với anh **S**.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay anh **Nguyễn Thanh S1** yêu cầu ly hôn chị **Ngô Thị Ngọc Y**, yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị **Y** cấp dưỡng.

*Bị đơn chị **Ngô Thị Ngọc Y** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Xét thấy, bị đơn chị **Ngô Thị Ngọc Y** cư trú: **ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang**. Do đó, tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn chị **Ngô Thị Ngọc Y** nhưng chị vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị **Y**.

- Anh **Nguyễn Thế S** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo nguyên đơn anh **Nguyễn Thế S** trình bày, anh và chị **Ngô Thị Ngọc Y** tiến tới hôn nhân vào năm 2005 trên cơ sở quen biết, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã **V, huyện C, tỉnh Tiền Giang** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 73 vào ngày 26/9/2005, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, vợ chồng thường xuyên cự cãi nên đã ly thân từ năm 2008 đến nay, đối với bị đơn Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho chị **Y** nhưng chị không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh **S** và chị **Y** vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy chị **Y** đã không còn quan tâm đến hôn nhân giữa chị và anh **S**. Xét thấy, thời gian anh chị ly thân cho đến



nay đã lâu, các bên không còn quan tâm nhau nữa, tình cảm vợ chồng anh, chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận cho anh **S** được ly hôn với chị **Y** là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Anh **S** và chị **Y** có 02 con chung tên **Nguyễn Thanh L**, sinh năm 2004 đã trưởng thành và **Nguyễn Thị Hồng D**, sinh ngày 03/10/2006 hiện các con chung đang sống với anh **S**, khi ly hôn anh **S** yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung cháu **Nguyễn Thị Hồng D**; Còn chị **Y** vắng mặt. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay con chung do anh **S** trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay **Nguyễn Thanh L** đã trưởng thành, đối với cháu **D** có văn bản trình bày ý kiến mong muốn sống với anh **S** sau khi cha mẹ ly hôn, để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý cũng như đảm bảo cuộc sống và sự phát triển bình thường của cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao các cháu **Nguyễn Thị Hồng D** cho anh **S** nuôi dưỡng là phù hợp theo điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về cấp dưỡng*: Anh **S** không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] *Về nợ chung*: Không có

[7] *Về án phí*: Anh **Nguyễn Thế S** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh **Nguyễn Thế S** được ly hôn với chị **Nguyễn Thị Ngọc Y1**.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 03/10/2006 cho anh S nuôi dưỡng. Chị Y1 không phải cấp dưỡng nuôi con do anh S không yêu cầu.

Chị Ngô Thị Ngọc Y được quyền tới thăm nom con chung không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Thế S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002380 ngày 05/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên xem đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Vĩnh Kim, H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Kim Ngọc**